

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của bà Lê Thị Kim T và ông Lưu Hoàng K.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 của bà Lê Thị Kim T.
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 4 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

* Người khởi kiện: Bà **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 95 TRẦN NHẬT D, PH, NT, KH.

* Người bị kiện: Ông **Lưu Hoàng K**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 95 TRẦN NHẬT D, PH, NT, KH.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 4 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 4 năm 2022, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T và ông Lưu Hoàng K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thị Kim T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Lưu Gia A (sinh ngày 17/8/2019). Ông Lưu Hoàng K cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đồng/tháng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 4/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông Lưu Hoàng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Kim T và ông Lưu Hoàng K không yêu cầu giải quyết.

Quy định: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên hòa giải;
- Tòa án nhân dân tỉnh KH;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. NT ;
- Chi cục THA dân sự Tp. NT;
- UBND xã Tường L, huyện Tam B, tỉnh VL.
(Số 27 ngày 29/3/2018).
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Đàm Thị Bích Ngọc